

Số: 1588/KH-SYT

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 10 năm 2016

**KẾ HOẠCH**  
**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÀNH Y TẾ QUẢNG NGÃI**  
**GIẢI ĐOẠN 2016-2020**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Căn cứ Luật Giao dịch điện tử;
- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin;
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;
- Căn cứ Quyết định 42/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định về tăng cường hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Kế hoạch 1881/KH-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chương trình hành động số 57-CTr/TU ngày 23/12/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi;
- Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 445/QĐ-BYT ngày 05/2/2016 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ Y tế.
- Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;
- Căn cứ Quyết định số 898/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2016-2020;

**II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (CNTT) NGÀNH Y TẾ QUẢNG NGÃI**

Sở Y tế Quảng Ngãi đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo liên quan góp phần quan trọng thúc đẩy công tác ứng dụng và phát triển CNTT trong

toàn ngành Y tế và đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong nâng cao nhận thức và thúc đẩy việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý hành chính, quản lý khám, chữa bệnh:

Quyết định số 1201/QĐ-SYT ngày 28/8/2014 vv Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử eOffice trong công tác quản lý văn bản và điều hành công việc tại Văn phòng Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Kế hoạch số 1381/KH-SYT ngày 29/9/2014 vv Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2015;

Quyết định số 3965/QĐ-SYT ngày 31/12/2014 vv Ban hành Quy định về trao đổi, quản lý văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động tại Văn phòng Sở và các cơ quan đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 828/QĐ-SYT ngày 29/5/2015 vv Kiện toàn Ban biên tập website của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 3887/QĐ-SYT ngày 11/11/2015 vv Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn ngành Y tế tỉnh Quảng Ngãi;

Kế hoạch số 218/KH-SYT ngày 02/3/2016 vv Triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán Bảo hiểm y tế năm 2016;

Kế hoạch số 990/KH-SYT ngày 29/6/2016 vv Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2017.

## **2. Hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**

- Tỷ lệ % CBCCVC (sau đây gọi tắt là cán bộ) có máy tính:

Cơ quan Sở Y tế: 100% cán bộ có máy tính phục vụ công tác.

Đơn vị trực thuộc: Các đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh, huyện đảm bảo 70% máy tính phục vụ công tác khám chữa bệnh và quản lý. Tại tuyến xã, hiện nay trung bình mỗi trạm y tế xã (tổng 183 trạm y tế xã) được trang bị 01 đến 02 máy tính phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

- Cơ quan Sở Y tế: 100% máy tính được kết nối Internet (ngoại trừ máy lưu trữ theo chế độ Mật) và trang bị phần mềm diệt virus bản quyền: BKAV, Kaspersky.

50% máy tính tại đơn vị trực thuộc được trang bị phần mềm diệt virus bản quyền như: BKAV, Kaspersky, AVG, ...

- 183/ 183 trạm Y tế xã đã kết nối sử dụng Internet phục vụ công tác khám chữa bệnh, đạt 100%.

- Sở Y tế đã hoàn thành và đăng ký tham gia triển khai ứng dụng, sử dụng chữ ký số.

- Hệ thống mạng nội bộ tại các đơn vị trong toàn ngành được đảm bảo kết nối ổn định 24/24 giờ, tốc độ kết nối cao đáp ứng yêu cầu chia sẻ, trao đổi dữ liệu trong mạng nội bộ, mạng Internet và các ứng dụng, dịch vụ trên mạng.

- Tại cơ quan Sở Y tế đã triển khai sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan nước, tuy nhiên việc triển khai còn nhiều hạn, chưa được sử dụng một cách hiệu quả.

- Công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống mạng luôn được quan tâm, chú trọng: Đảm bảo an toàn vật lý và môi trường; trang bị tường lửa (Tường lửa cá nhân, tường lửa hệ thống, tích hợp trên phần cứng: Tường lửa cá nhân được cài đặt trên các máy chủ và máy tính cá nhân; sử dụng chức năng tường lửa có sẵn trong Windows và cài thêm các phần mềm của các hãng bảo mật như Comodo, Kaspersky Internet Security...); áp dụng các biện pháp kỹ thuật: tổ chức mô hình mạng, quản lý chặt chẽ hệ thống mạng không dây, chống mã độc, virus (100% máy tính cơ quan Sở Y tế, 50% máy tính tại đơn vị trực thuộc được trang bị phần mềm diệt virus như: BKAV, Kaspersky, AVG, ...).

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước**

#### **3.1. Về ứng dụng thư điện tử:**

- 100% cán bộ cơ quan Sở Y tế; 38/52 đơn vị trực thuộc (mỗi đơn vị 01 tài khoản) được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ của tỉnh ([xxx@quangngai.gov.vn](mailto:xxx@quangngai.gov.vn)).

- 80% văn bản, tài liệu điện tử được trao đổi trong công việc với các cơ quan nhà nước. Các loại văn bản đã được gửi 100% thư điện tử hoặc trên môi trường mạng gồm: Công văn, Giấy mời, Thông báo, Lịch công tác, Báo cáo, Chương trình, Kế hoạch, Hướng dẫn.

#### **3.2. Về ứng dụng hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành:**

- Phần mềm Quản lý và điều hành văn bản điện tử eOffice đã được cơ quan Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc đưa vào ứng dụng từ năm 2013 theo kế hoạch chung của tỉnh. Đến nay, quy trình xử lý văn bản đã hoàn thiện, 100% cán bộ cơ quan Sở Y tế được tạo tài khoản và thực hiện gửi/ nhận đúng quy trình. Lãnh đạo Sở xử lý văn bản hoàn toàn trên phần mềm, không xử lý trên văn bản giấy.

- 100% văn bản đi/đến tại cơ quan Sở Y tế đã được cập nhật vào phần mềm; thực hiện theo đúng quy trình và phát hành văn bản đi trên hệ thống gửi cho tất cả các đơn vị trực thuộc. Mỗi đơn vị trực thuộc Sở, được cấp 01 tài khoản để tiếp nhận văn bản.

- Phần mềm đã hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, lưu trữ văn bản đến - đi, hạn chế phát hành văn bản giấy trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc, hỗ trợ người dùng trong công tác tra cứu, tìm kiếm, thống kê văn bản được thuận tiện hơn. Hiện nay, phần mềm cũng đã liên thông với các cơ quan, đơn vị trong toàn tỉnh và Văn phòng Chính phủ để gửi nhận văn bản điện tử.

#### **3.3. Một số ứng dụng CNTT khác:**

- Đã triển khai hệ thống Quản lý và điều hành văn bản điện tử V-office của Bộ Y tế để gửi nhận văn bản liên thông ngành Y tế; phần mềm Quản lý hành nghề Y, Quản lý các bệnh truyền nhiễm, quản lý chất lượng bệnh viện, phần mềm Quản lý đấu thầu, ... Hiện nay, tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đều đã triển khai phần mềm Quản lý khám, chữa bệnh - HIS tại đơn vị, như: Phần mềm HSOFT,

ESSHOSPITAL, Dược Hậu Giang, VNPT. Trong đó, VNPT - HIS đã triển khai đến 100% các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn. 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế đã triển khai Hệ thống thông tin giám định Bảo hiểm Y tế, gửi dữ liệu liên thông bằng đường truyền của Viettel; hơn 90% các cơ sở đã kết xuất các mẫu theo yêu cầu của Công văn 9324/BH-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ Y tế và của Bảo hiểm xã hội.

- Xây dựng và triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh tại một số cơ sở khám, chữa bệnh.

- Triển khai hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại bộ phận một cửa cơ quan Sở Y tế.

#### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Cổng thông tin điện tử thành phần Sở Y tế được xây dựng và hoạt động từ năm 2012, đến nay các chức năng được hoàn thiện theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Sở Y tế đã thành lập và kiện toàn Ban biên tập website và thực hiện đúng chế độ chi trả phục vụ hoạt động của Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi và các Trang Thông tin điện tử thành phần theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo duy trì và phát triển hoạt động website.

- Cổng thông tin điện tử thành phần Sở Y tế đã đăng tải đầy đủ dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 gồm: 62 thủ tục hành chính: Lĩnh vực khám, chữa bệnh; An toàn thực phẩm; Dược, Mỹ phẩm; Giám định Y khoa.

- Phối hợp hoàn thiện và đưa vào vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi thuộc lĩnh vực hành nghề Y, Dược. Tổ chức tập huấn trong toàn ngành Y tế để cán bộ, công chức, viên chức và tuyên truyền rộng rãi cho người dân để mọi người có thể tiếp cận hình thức đăng ký hành nghề và hình thành thói quen giao dịch qua mạng.

- Việc tiếp nhận ý kiến của người dân và tổ chức qua mạng Internet đã được thực hiện nghiêm túc, chuyên ý kiến của người dân và tổ chức cho các phòng ban và trả lời đúng nội dung, đúng thời gian, giải đáp kịp thời thắc mắc phục vụ người dân, tổ chức thuận lợi trong công việc.

- Phối hợp hoàn thiện và đưa vào vận hành dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi thuộc lĩnh vực hành nghề Y, Dược.

- Triển khai hệ thống phần mềm một cửa điện tử tại bộ phận một cửa cơ quan Sở Y tế: Sở Y tế đã bố trí cán bộ chuyên trách tại bộ phận một cửa; Các phòng chức năng có liên quan đã triển khai thực hiện thụ lý hồ sơ theo quy trình hệ thống.

- Sở Y tế triển khai tập huấn tin học cơ bản cho 100% cán bộ trong toàn ngành Y tế. Đến nay, hầu hết cán bộ đã thành thạo tin học, ứng dụng trong việc thực hiện quy trình xử lý chuyên môn.

#### **5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

- Bộ phận chuyên trách, phụ trách về CNTT:

Tại cơ quan Sở Y tế: 02 Đại học, chuyên ngành Công nghệ thông tin

Tại đơn vị trực thuộc: 20/52 đơn vị có cán bộ chuyên trách Công nghệ thông tin, gồm: 01 Thạc sĩ, 29 Đại học, 06 Cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thông tin.

- Chưa có chính sách ưu tiên, đãi ngộ cho nhân lực CNTT có liên quan.

- Tổ chức và tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, số lượng người được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về CNTT:

+ Năm 2014: 09 cán bộ CNTT tham gia lớp đào tạo Mạng máy tính do Sở Nội vụ tổ chức.

+ Năm 2015: 01 cán bộ tham gia Tổ ứng sự cố mạng máy tính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; 02 cán bộ CNTT tham gia lớp đào tạo Mạng máy tính do Sở Nội vụ tổ chức.

Hiện nay, nhu cầu đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực CNTT, đặc biệt đảm bảo an toàn an ninh hệ thống mạng là vô cùng cấp thiết trong toàn ngành Y tế.

## **6. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015**

### **6.1. Kết quả đạt được**

Đến nay việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành công việc; công tác quản lý khám, chữa bệnh; cải cách hành chính trong toàn ngành Y tế đã được Lãnh đạo Sở quan tâm và chỉ đạo sâu sát góp phần mang lại hiệu quả thiết thực, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công việc.

Tăng cường đầu tư hạ tầng trang thiết bị phần cứng, phần mềm thiết lập mạng nội bộ, kết nối Internet và viễn thông, hệ thống an ninh, ...

### **6.2. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân**

Ngành Y tế là ngành đặc thù, số lượng đơn vị trực thuộc lớn nên việc triển khai ứng dụng CNTT còn nhiều khó khăn, bất cập. Hệ thống y tế triển khai không đồng bộ giữa các tuyến, đặc biệt tuyến dự phòng vừa thiếu vừa yếu.

Khó khăn về tài chính, nhân lực trong lĩnh vực CNTT: Trang thiết bị CNTT chưa được trang bị đầy đủ, hiện đại; nhân lực CNTT vừa thiếu, yếu, mất cân đối, tự phát, không thống nhất. Số lượng cán bộ phụ trách CNTT tại đơn vị, đặc biệt các cơ sở khám, chữa bệnh không đáp ứng việc triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị; bên cạnh đó, năng lực còn hạn chế; việc đào tạo, tập huấn CNTT không được tổ chức thường xuyên, hiệu quả.

Việc triển khai ứng dụng CNTT chưa được sự thống nhất từ cấp Trung ương; các chỉ đạo, hướng dẫn thay đổi liên tục, dẫn đến y tế cơ sở gặp rất nhiều khó khăn và việc triển khai mang tính phụ thuộc.

## **7. Kinh phí cho ứng dụng và phát triển CNTT:**

Tổng kinh phí đã thực hiện cho ứng dụng và phát triển CNTT giai đoạn 2011-2015: 935.000.000đ.

### **III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NGÀNH Y TẾ QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

Đảm bảo hệ thống thông tin tích hợp, thống nhất trong toàn Ngành Y tế; kết nối liên thông dữ liệu đối với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị ngoài ngành; tăng cường, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chất lượng các dịch vụ y tế, phục tốt cho người dân và doanh nghiệp.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

- 100% văn bản không mật trình Bộ Y tế, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban ngành, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- Có đủ, kịp thời các số liệu cần thiết phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý ngành y tế.

- Có hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; các lĩnh vực hành chính quan trọng như nhân lực, tài chính - kế toán, báo cáo thống kê, ... tại Sở Y tế và liên thông đến các đơn vị trực thuộc Sở.

- Triển khai và ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử tại Sở Y tế và 80% tại các đơn vị trực thuộc Sở.

##### **2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin thành phần Sở Y tế theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Sở Y tế và 50% các cơ sở khám, chữa bệnh có cổng/ trang thông tin điện tử cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

- Trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện qua Internet.

- Triển khai và ứng dụng mô hình điện tử hiện đại tại cơ quan Sở Y tế.

- Cơ quan Sở Y tế và 100% đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện tham gia Bảo hiểm xã hội.

- Xây dựng hệ thống đấu thầu điện tử tại cơ quan Sở Y tế.

- 50% các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở có hệ thống phát số, đăng ký khám chữa bệnh điện tử, cho phép người dân đăng ký khám, chữa bệnh thông qua phương tiện điện tử kết nối Internet.

##### **2.3. Các ứng dụng CNTT chuyên ngành**

- 100% cơ sở khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến xã có hệ thống thông tin quản lý bệnh viện (HIS), trong đó 50% bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh tích hợp hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS); hệ thống thông tin lưu trữ và truyền hình ảnh y học (PACS).

- Thông tin khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám, chữa bệnh trong toàn tỉnh được trao đổi thông suốt, chính xác, bảo mật, đáp ứng yêu cầu công tác chuyên môn, quản lý.

- 100% các cơ sở khám, chữa bệnh kết nối hệ thống giám định, hệ thống thông tuyến bảo hiểm y tế.

- Cơ quan Sở Y tế và 100% các đơn vị trực thuộc có hệ thống thông tin tích hợp phục vụ công tác điều hành, quản lý và công tác chuyên môn chủ yếu tại đơn vị.

- Hoàn thành và triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh tại một số cơ sở khám, chữa bệnh trong toàn tỉnh. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống tư vấn khám bệnh, chữa bệnh từ xa của Bệnh viện Bạch Mai, được triển khai từ năm 2011.

#### **2.4. Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia Ngành Y tế:**

- Xây dựng, nâng cấp, đồng bộ và hiện đại cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động CNTT của Ngành Y tế.

- Xây dựng kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế bao gồm (CSDL tập trung y tế dự phòng, CSDL tập trung khám, chữa bệnh; CSDL Hoạt động quản lý điều hành) đặt tại Sở Y tế.

#### **2.5. Nhân lực:**

- Kiện toàn bộ phận chuyên trách CNTT tại tất cả các cơ sở y tế; thành lập phòng CNTT, tổ CNTT tùy theo phân hạng bệnh viện (Theo Thông tư 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng).

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng chuyên trách CNTT. Đào tạo kỹ năng về ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức Ngành Y tế.

### **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **1. Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu**

- Tiếp tục nâng cấp, đầu tư đồng bộ và hiện đại hệ thống trang thiết bị CNTT, mạng LAN, kết nối sử dụng Internet băng rộng trong toàn Ngành Y tế; đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong đầu tư và ứng dụng CNTT; lồng ghép đầu tư hệ thống an toàn, an ninh thông tin. Phân đầu tại cơ quan Sở Y tế và 100% các đơn vị được bố trí phòng máy chủ để đảm bảo tập trung các thiết bị CNTT dùng chung, như: máy chủ (Server), các thiết bị mạng, an toàn mạng, ...

- Phát triển và sử dụng có hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến cấp xã tại cơ quan Sở Y tế.

- Xây dựng hạ tầng Kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế bao gồm (CSDL tập

trung y tế dự phòng, CSDL tập trung khám, chữa bệnh; CSDL hoạt động quản lý điều hành) đặt tại Sở Y tế; đảm bảo dữ liệu được lưu trữ đầy đủ, an ninh, bảo mật và đảm bảo tính liên thông với các hệ thống thông tin của tỉnh, Bộ, ...

## **2. Phát triển và hoàn thiện ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước**

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử; triển khai đồng bộ và thống nhất đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Ngành Y tế. Đảm bảo tính liên thông giữa các cơ quan nhà nước và ứng dụng chữ ký điện tử, hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng và gửi văn bản giấy.

- Xây dựng và phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành của Sở Y tế.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành, đảm bảo triển khai liên thông đến các đơn vị trực thuộc, gồm các hệ thống sau:

- + Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên;
- + Hệ thống thông tin quản lý tài sản, tài chính - kế toán;
- + Hệ thống thông tin báo cáo thống kê;
- + Hệ thống thông tin quản lý hoạt động Thanh tra Y tế;
- + Hệ thống thông tin quản lý hành nghề y tế.

## **3. Phát triển ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Duy trì, nâng cấp và nâng cao chất lượng cung cấp nội dung, đa dạng về thông tin, tăng cường các chức năng đối thoại trực tiếp, giao tiếp điện tử với người dân, tổ chức trên Cổng thông tin điện tử thành phần Sở Y tế. Phần đầu 50% các cơ sở khám, chữa bệnh có công/ trang thông tin điện tử cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

- Cung cấp hầu hết các dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3 tới người dân và doanh nghiệp và tăng cường hướng dẫn việc thực hiện đăng ký hành nghề Y, Dược qua mạng điện tử.

- Ứng dụng CNTT hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông; tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng; đảm bảo tính liên thông trong quy trình thủ tục hành chính; tạo điều kiện thuận lợi nhất để tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp: Xây dựng hệ thống đấu thầu điện tử tại cơ quan Sở Y tế, xây dựng hệ thống phục vụ tra cứu thông tin y tế tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở Kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế, ...

- Cơ quan Sở Y tế và 100% đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện tham gia Bảo hiểm xã hội.



- Xây dựng và tích hợp hệ thống phát số, đăng ký khám chữa bệnh điện tử, cho phép người dân đăng ký khám, chữa bệnh thông qua phương tiện điện tử kết nối Internet.

#### **4. Phát triển ứng dụng CNTT chuyên ngành**

- Ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán, giám định BHYT.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong chuyên giao kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, Đề án Bệnh viện vệ tinh.

- Triển khai ứng dụng CNTT trong đề án xây dựng và phát triển biển, đảo Việt Nam đến năm 2020.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ công tác y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, gồm các hệ thống sau:

- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý An toàn thực phẩm;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dược, mỹ phẩm;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Y, dược cổ truyền;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành giám định y khoa, phục hồi chức năng;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phòng chống HIV/ AIDS;
- + Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế.

#### **5. Phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT**

- Kiện toàn bộ phận chuyên trách CNTT tại tất cả các cơ sở y tế, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để triển khai tốt các hoạt động; thành lập phòng CNTT, tổ CNTT tùy theo phân hạng bệnh viện (Theo Thông tư 53/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế về việc Quy định điều kiện hoạt động y tế trên môi trường mạng).

- Tăng cường nâng cao nhận thức và tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn về CNTT, đặc biệt công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ phụ trách và chuyên trách về CNTT.

- Tổ chức đào tạo liên tục, chuyên sâu về ứng dụng CNTT; tăng cường áp dụng đào tạo từ xa trong hoạt động đào tạo của Ngành Y tế.

- Hỗ trợ, khuyến khích người dân khai thác dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính và các thông tin liên quan đến lĩnh vực y tế qua Cổng thông tin điện

từ thành phần Sở Y tế.

## **6. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin**

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Ngành Y tế.

- Tăng cường đầu tư các biện pháp, trang thiết bị đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng.

- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng chữ ký số và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước.

- Ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và định kỳ hàng năm kiểm tra, đánh giá về an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng hệ thống giám sát an ninh mạng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý an toàn, an ninh thông tin y tế.

- Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo liên tục, chuyên sâu về an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT.

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Bảo đảm môi trường pháp lý**

- Tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện các văn bản, chính sách nhằm tăng cường quản lý và thúc đẩy ứng dụng CNTT: các quy định về an toàn, an ninh thông tin, tăng cường sử dụng chữ ký số; quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử, ...

- Triển khai thực hiện các tiêu chí chung cho các hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến và tiêu chí đánh giá các đơn vị trực thuộc Sở theo tiêu chuẩn, quy định của cấp trên; khuyến khích và hỗ trợ thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ ứng dụng và phát triển CNTT y tế.

- Triển khai thực hiện quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin tại các đơn vị trong Ngành Y tế.

### **2. Bảo đảm hiệu quả ứng dụng CNTT**

- Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả và quá trình tổ chức triển khai ứng dụng CNTT tại đơn vị; phân công Lãnh đạo đơn vị phụ trách CNTT.

- Triển khai ứng dụng CNTT phải đáp ứng nhu cầu thực tế, đảm bảo tính liên thông và hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT.

- Triển khai, khuyến khích và hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực hành nghề Y, Dược.

### **3. Bảo đảm ứng dụng CNTT đồng bộ**

- Tăng cường và thường xuyên triển khai công tác hướng dẫn, định hướng đồng bộ, thống nhất về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng và

phát triển công nghệ thông tin trong toàn Ngành Y tế; thống nhất sự chỉ đạo giữa Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp.

- Tập trung triển khai các ứng dụng CNTT lớn trong thời gian tới, đặc biệt trong tập trung ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước gắn với cải cách hành chính và công tác quản lý khám, chữa bệnh.

#### **4. Giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện**

##### **4.1. Giải pháp triển khai**

- Sở Y tế xây dựng và trình phê duyệt các dự án đầu tư hạ tầng cơ sở thông tin, ứng dụng CNTT có quy mô toàn ngành.

- Ưu tiên xây dựng hạ tầng cơ sở thông tin đảm bảo hoạt động thông suốt, an toàn, an ninh, thông lượng cao, đáp ứng yêu cầu vận hành và trao đổi thông tin; xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế trên cơ sở xây dựng các hệ thống thông tin, đảm bảo khả năng tích hợp giữa các hệ thống.

- Đảm bảo thiết kế các hệ thống thông tin được thực hiện kỹ lưỡng, theo đúng quy trình, phù hợp với thực tiễn, áp dụng được các công nghệ mới và khả thi.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai ứng dụng CNTT với công tác cải cách hành chính, trong đó các ứng dụng phục vụ công tác cải cách hành chính, trước hết là công tác cải cách tại cơ quan Sở Y tế, đảm bảo ứng dụng CNTT là một giải pháp quan trọng của cải cách hành chính.

##### **4.2. Giải pháp tổ chức**

- Sở Y tế phân công 01 đồng chí Lãnh đạo Sở trực tiếp theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ việc kiểm tra, đôn đốc và phát triển ứng dụng CNTT.

- Xây dựng cơ chế đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc Sở để đảm bảo khả năng tích hợp giữa các hệ thống thông tin và hiệu quả cao trong việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thành lập, kiện toàn bộ máy tổ chức chuyên trách CNTT y tế tại các đơn vị trực thuộc Sở.

- Tuyên truyền nâng cao hiểu biết, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành Y tế.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT tại các đơn vị để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời; đưa tiêu chí ứng dụng CNTT vào đánh giá kết quả hoàn thành công việc của các tổ chức, cá nhân.

#### **5. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực**

- Tăng cường phổ biến, nâng cao nhận thức về trình độ chuyên môn CNTT, đặc biệt công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ phụ trách và chuyên trách về CNTT trong toàn Ngành Y tế thông

- Tổ chức đào tạo liên tục, chuyên sâu về ứng dụng CNTT; tăng cường áp

dụng đào tạo từ xa trong hoạt động đào tạo của Ngành Y tế.

## **6. Giải pháp về tài chính**

- Huy động các nguồn tài chính khác nhau để đẩy mạnh ứng dụng CNTT, đảm bảo kinh phí cho các dự án đầu tư hạ tầng, ứng dụng CNTT, các dự án có quy mô lớn, liên thông toàn ngành.

- Đẩy mạnh việc thuê dịch vụ CNTT.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho CNTT.

## **VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

Chi tiết về lộ trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ được trình bày tại Phụ lục 01 kèm theo Kế hoạch này.

## **VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

- Kinh phí cho các Dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch sẽ được tiếp tục xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.

- Hằng năm, sử dụng kinh phí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung nhiệm vụ, hoạt động, dự án có liên quan của Kế hoạch này.

- Tranh thủ vốn hỗ trợ từ Trung ương, địa phương cho các hoạt động đào tạo về ứng dụng CNTT.

## **VIII. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Danh mục dự án, nhiệm vụ trọng điểm sẽ triển khai trong giai đoạn 2016-2020 được xác định tại Phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

## **IX. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH**

1. Đối với người dân, doanh nghiệp: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế, các dịch vụ quản lý hành chính trong Ngành Y tế, đồng thời tăng cường khả năng giám sát đối với các hoạt động của ngành.

2. Đối với các cơ sở y tế: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực, tính minh bạch của công tác quản lý, điều hành; chất lượng các dịch vụ y tế và phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp. Qua đó, làm tăng sự hài lòng, niềm tin của người dân đối với Ngành Y tế.

3. Đối với cán bộ y tế: về dài hạn, thực hiện kế hoạch này sẽ giảm bớt gánh nặng công việc hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho việc phối hợp, hợp tác giữa các cá nhân, đơn vị; hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn.

4. Hiệu quả chung về kinh tế - xã hội: Thực hiện kế hoạch này sẽ góp phần tạo ra môi trường chăm sóc sức khỏe, môi trường sống, làm việc hiện đại, thuận tiện, trong sáng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả và

giảm chi tiêu cho hoạt động chăm sóc sức khỏe, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

## **X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

### **1. Văn phòng Sở Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện và xây dựng báo cáo hàng năm, đột xuất gửi cấp trên; đánh giá, đề xuất các điều chỉnh nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển CNTT của ngành.

- Tham mưu Lãnh đạo Sở xây dựng các cơ chế, chính sách có liên quan, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức về triển khai thực hiện trong toàn Ngành Y tế. Chủ động phối hợp trong việc xây dựng nội dung các Đề án về đầu tư, ứng dụng CNTT.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc triển khai thực hiện việc đầu tư, ứng dụng CNTT tại các đơn vị trực thuộc, đặc biệt chú trọng trong công tác quản lý điều hành hành chính và công tác khám bệnh, chữa bệnh.

- Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

### **2. Các đơn vị trực thuộc Sở**

- Căn cứ Kế hoạch này và các nội dung hướng dẫn có liên quan khác, các đơn vị xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả và tránh trùng lặp.

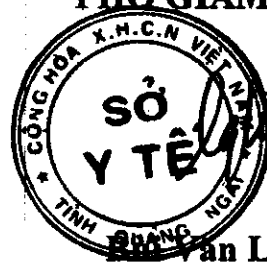
- Hằng năm xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng CNTT và gửi về Văn phòng Sở để trình phê duyệt chung trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm của Ngành Y tế.

- Kiểm tra, đánh giá và báo cáo hàng năm, đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn và yêu cầu của Sở Y tế.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Thông tin và Truyền thông (b/c);
- GD, các Phó Giám đốc;
- Thanh tra Sở Y tế;
- Các phòng chức năng thuộc Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT.

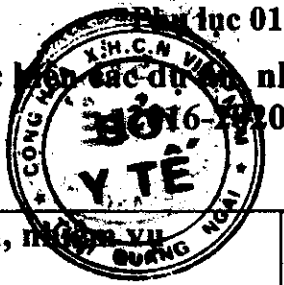
**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phan Long**



Phụ lục 01  
**Lộ trình thực hiện các dự án nhiệm vụ triển khai giai đoạn**



STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
<b>1</b>	<b>Cơ sở hạ tầng</b>					
1.1	Nâng cấp, đầu tư hạ tầng trang thiết bị CNTT, chú trọng trang thiết bị đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng	—————→				
2.1	Xây dựng hạ tầng Kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế	—————→				
2.1.1	CSDL hoạt động quản lý điều hành	—————→				
2.1.2	CSDL tập trung khám, chữa bệnh	—————→				
2.1.3	CSDL tập trung y tế dự phòng	—————→				
<b>3</b>	<b>Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước</b>					
3.1	Nâng cấp phần mềm Quản lý và điều hành văn bản	————→				
3.2	Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên	————→				
3.3	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài sản, tài chính - kế toán	————→				
3.4	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo thống kê	————→				
3.5	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý hoạt động Thanh tra Y tế	————→				
3.6	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý hành nghề y tế.	————→				
<b>4</b>	<b>Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp</b>					
4.1	Nâng cấp Công thông tin điện tử thành phần Sở Y tế	————→				
4.2	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử	————→				
4.3	Xây dựng hệ thống thông tin đấu thầu điện tử	————→				
4.4	Xây dựng hệ thống phục vụ tra cứu thông tin y tế	————→				
<b>5</b>	<b>Ứng dụng CNTT chuyên ngành</b>					
5.1	Ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán, giám định BHYT.	—————→				

5.2	Triển khai ứng dụng CNTT trong chuyên giao kỹ thuật, tư vấn khám chữa bệnh từ xa, Đề án Bệnh viện tỉnh							→
5.3	Triển khai ứng dụng CNTT trong án xây dựng và phát triển biển, đảo Việt Nam đến năm 2020							→
5.4	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý An toàn thực phẩm							→
5.5	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm							→
5.6	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế							→
5.7	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dược, mỹ phẩm							→
5.8	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em							→
5.9	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Y, dược cổ truyền							→
5.10	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành giám định y khoa, phục hồi chức năng							→
5.11	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Dân số - Kế hoạch hóa gia đình							→
5.12	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phòng chống HIV/ AIDS							→
5.13	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế							→
<b>6</b>	<b>Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực</b>							
6.1	Thành lập phòng CNTT, tổ CNTT tùy theo phân hạng bệnh viện						→	
6.2	- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn về CNTT							



	<p>- Đào tạo liên tục, chuyên sâu ứng dụng CNTT; tăng cường áp dụng đào tạo từ xa trong hoạt động đào tạo của Ngành Y tế</p>				
--	--	--	--	--	--



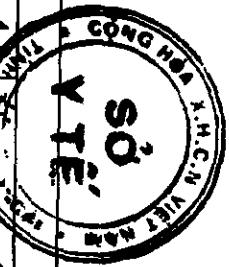


Phụ lục 02

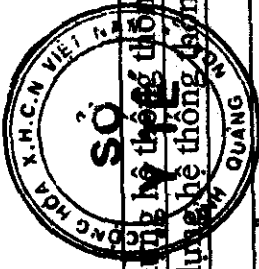
Danh mục dự án, nhiệm vụ trọng điểm sẽ triển khai giai đoạn 2016-2020



STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)
1	Cơ sở hạ tầng		
1.1	Nâng cấp, đầu tư hạ tầng trang thiết bị CNTT, chú trọng trang thiết bị đảm bảo về an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng	2016-2020	20.000
1.2	Xây dựng hạ tầng Kho dữ liệu tập trung Ngành Y tế	2016-2020	30.000
	CSDL hoạt động quản lý điều hành	2016-2020	10.000
	CSDL tập trung khám, chữa bệnh	2016-2020	10.000
	CSDL tập trung y tế dự phòng	2018-2020	10.000
	<b>Tổng</b>		<b>50.000</b>
2	Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước		
2.1	Nâng cấp phần mềm Quản lý và điều hành văn bản	2017-2020	400
2.2	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên	2017	500
2.3	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài sản, tài chính - kế toán	2018	750
2.4	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo thống kê	2018	450
2.5	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý hoạt động Thanh tra Y tế	2019	650
2.6	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý hành nghề y tế.	2018	350
	<b>Tổng</b>		<b>3.100</b>
3	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp		
3.1	Nâng cấp Công thông tin điện tử thành phần Sở Y tế	2016	70
3.2	Xây dựng hệ thống một cửa điện tử	2017-2018	850
3.3	Xây dựng hệ thống thông tin đầu thầu điện tử	2018-2019	350
3.4	Xây dựng hệ thống phục vụ tra cứu thông tin y tế	2020	500



		Tổng	
4	<b>Đầu tư xây dựng CNTT chuyên ngành</b>		62 1.770
4.1	Ứng dụng CNTT trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán, giám định BHYT.	2016-2020	31 Y
4.2	Triển khai ứng dụng CNTT trong chuyên gia kỹ thuật, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa, Đề án Bệnh viện vệ tinh	2016-2020	Theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế
4.3	Triển khai ứng dụng CNTT trong đề án xây dựng và phát triển biển, đảo Việt Nam đến năm 2020	2016-2020	
4.4	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý An toàn thực phẩm	2018-2020	500
4.5	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm	2018-2020	500
4.6	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý môi trường y tế	2018-2020	500
4.7	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý dược, mỹ phẩm	2018-2020	500
4.8	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em	2018-2020	500
4.9	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Y, dược cổ truyền	2018-2020	500
4.10	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành giám định y khoa, phục hồi chức năng	2018-2020	500
4.11	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2018-2020	500



4.12	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý phòng chống HIV/ AIDS	2018-2020	500
4.13	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý trang thiết bị y tế	2018-2020	500
	<b>Tổng</b>		<b>5.000</b>
<b>5</b>	<b>Phát triển và đào tạo nguồn nhân lực</b>		
5.1	Thành lập phòng CNTT, tổ CNTT tùy theo phân hạng bệnh viện	2017-2018	
5.2	- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn về CNTT - Đào tạo liên tục, chuyên sâu về ứng dụng CNTT; tăng cường áp dụng đào tạo từ xa trong hoạt động đào tạo của Ngành Y tế	2016-2020	1.500
	<b>Tổng</b>		<b>1.500</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>61.370</b>

Handwritten text, possibly a signature or date, located in the bottom left corner.

